

Số: 3761/QĐ-UBND

Quy Nhơn, ngày 08 tháng 7 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Công trình: Nạo vét bùn hồ Bàu Sen, thành phố Quy Nhơn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông Tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài Chính về Quy định về hệ thống sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 6355/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Nạo vét bùn hồ Bàu Sen, thành phố Quy Nhơn;

Xét Tờ trình số 136/TTr-BQLCI ngày 07/9/2023 của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố về việc đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Báo cáo số 231/BC-PTCKH ngày 24/6/2024,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình với nội dung sau:**

- Tên công trình: Nạo vét bùn hồ Bàu Sen, thành phố Quy Nhơn
- Cấp quyết định đầu tư: UBND thành phố Quy Nhơn
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố
- Đơn vị thi công: Liên danh Công ty CP Quản lý sửa chữa đường bộ Quy Nhơn và Công ty TNHH Xây dựng Phúc Gia
- Thời gian khởi công và hoàn thành: Từ tháng 11/2022 đến tháng 04/2023.
- Địa điểm thi công: thành phố Quy Nhơn.
- Phương án thực hiện: Nạo vét, cải tạo, sửa chữa.
- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

**1. Chi phí đầu tư**



Nội dung	TMĐT dự án, công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được duyệt
<b>Tổng số</b>	<b>4.404.398.000</b>	<b>3.467.788.000</b>
1. Chi phí xây dựng	3.857.578.000	3.090.193.000
2. Thiết bị		
3. Chi phí quản lý dự án	82.895.000	66.404.000
4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	290.953.000	269.822.000
5. Chi phí khác	64.290.000	41.369.000
6. Dự phòng chi	108.682.000	

## 2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	TMĐT dự án, công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5 = 3-4	6=4-3
<b>Tổng số</b>	<b>4.404.398.000</b>	<b>3.467.788.000</b>	<b>3.448.134.000</b>	<b>19.654.000</b>	
<b>1. Nguồn vốn đầu tư công</b>	<b>4.404.398.000</b>	<b>3.467.788.000</b>	<b>3.448.134.000</b>	<b>19.654.000</b>	
<b>1.1. Ngân sách nhà nước</b>	<b>4.404.398.000</b>	<b>3.467.788.000</b>	<b>3.448.134.000</b>	<b>19.654.000</b>	
- Vốn ngân sách trung ương:					
- Vốn ngân sách địa phương	4.404.398.000	3.467.788.000	3.448.134.000	19.654.000	
+ Ngân sách thành phố	4.404.398.000	3.467.788.000	3.448.134.000	19.654.000	
<b>1.2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật</b>					
<b>2. Vốn khác (nếu có)</b>					

**3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: không**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>				
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)				
2. Tài sản ngắn hạn				

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản**

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: ...

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: 3.467.788.000 đồng

**5. Vật tư thiết bị tồn đọng (nếu có)**

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

1.1 Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>3.467.788.000</b>	
<b>1. Nguồn vốn đầu tư công</b>	3.467.788.000	
<b>1.1. Ngân sách nhà nước</b>	3.467.788.000	
- Vốn ngân sách địa phương	3.467.788.000	
+ Ngân sách thành phố	3.467.788.000	
<b>1.2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật</b>		
<b>5. Nguồn vốn khác (nếu có)</b>	-	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2024 là: 19.654.000 đồng.

+ Tổng nợ phải thu: .....đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 19.654.000 đồng.

Chi tiết các khoản công nợ phải trả các đơn vị như sau:



Nội dung công việc	Nợ phải trả (đồng)	Đơn vị thụ hưởng
Chi phí thẩm tra QT CTHT:	19.654.000	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố

1.3 Tổng các khoản đã trả tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2024 là: 3.448.134.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	3.090.193.000	đồng
- Chi phí QLDA	66.404.000	đồng
- Chi phí TVKS, lập báo cáo KTKT	175.561.000	đồng
- Chi phí giám sát thi công	79.294.000	đồng
- Chi phí lập đăng ký môi trường	18.144.000	đồng
- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	14.967.000	đồng
- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	3.571.000	đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Ban Quản lý dự án dịch vụ công ích thành phố có trách nhiệm bảo quản hồ sơ công trình và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

4. Các nghiệp vụ khác (nếu có):

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Quản lý đô thị, Giám đốc Ban QLDV CI, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT và các PCTUBND TP;
- VP (LĐ + C<sub>17</sub>);
- Lưu: VT.

*[Handwritten signature]*



**Nguyễn Công Vịnh**

